

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ ĐẾN HỘI TỤ THU NHẬP Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thế Khang¹
Nguyễn Thị Ngọc Bích¹

TÓM TẮT

Xuất phát từ lý thuyết hội tụ thu nhập Solow (1956), mục tiêu nghiên cứu của bài viết là xem xét có hay không hiện tượng hội tụ thu nhập giữa các tỉnh của Việt Nam, đồng thời đánh giá mức độ tác động của các nguồn đầu tư đến quá trình hội tụ thu nhập ở Việt Nam. Với mô hình nghiên cứu dữ liệu bảng (panel data) của 63 tỉnh thành Việt Nam từ 2000 đến 2017, kết quả cho thấy, các tỉnh ở Việt Nam đang có xu hướng hội tụ thu nhập bình quân đầu người, với tốc độ hội tụ xấp xỉ 1,2% đến 5,6%, tức là khoảng cách giàu nghèo ngày càng hẹp lại, điều này phù hợp với lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển của Solow (1956). Trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò tích cực nhất đến vấn đề hội tụ, sau đó đến đầu tư công và đầu tư tư nhân trong nước.

Từ khóa: Đầu tư, hội tụ thu nhập

1. Giới thiệu chung

Hội tụ thu nhập trong kinh tế (cũng đôi khi được gọi là hiệu ứng “đuổi kịp”) là giả thuyết mà nhà kinh tế học như Solow (1956) [1] cho rằng thu nhập bình quân đầu người các nước hoặc tỉnh nghèo sẽ có xu hướng tăng trưởng nhanh hơn các nước hoặc tỉnh giàu có hơn. Kết quả là, cuối cùng, tất cả các nền kinh tế hội tụ về một mức thu nhập bình quân đầu người. Các nước đang phát triển có tiềm năng tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn so với các nước phát triển vì đặc tính lợi ích biên giảm dần của vốn trong các mô hình tăng trưởng tân cổ điển. Hơn nữa, các nước nghèo có thể sao chép các phương pháp sản xuất, công nghệ và các tổ chức hoạt động của các nước đang phát triển để có cơ hội “đuổi kịp”. Thực tế cho thấy, các nước nghèo chưa chắc chắn có thể đạt

mức tăng trưởng kinh tế cao, vì nếu như thu nhập quá kém thì dân chúng có thể sẽ phải sử dụng hết những gì họ làm ra và vì vậy không thể có tiết kiệm để đầu tư nhằm đảm bảo mức vốn trên mỗi lao động khi dân số tăng dẫn đến tình trạng nghèo đói. Đồng thời các nước hoặc khu vực giàu có hơn, có điều kiện để phát triển khoa học công nghệ, từ đó lợi ích biên của vốn sẽ tăng mạnh hơn và nhanh hơn các nước hoặc khu vực nghèo. Điều này dẫn đến hiện tượng phân tán thu nhập giữa các nước hoặc khu vực.

Nghiên cứu của Barro và Sala-i-Martin (1992) [2] đóng góp hết sức quan trọng cho lý luận hội tụ kinh tế. Ngoài ra còn có các nghiên cứu như: Kim (2001) [3], Wei (2008) [4]... Các nghiên cứu về hội tụ trong thu nhập có những ý kiến trái chiều nhau so với lý

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: khangnt@dnp.edu.vn

thuyết hội tụ trong mô hình tăng trưởng của Solow (1956) mà cụ thể hóa là mô hình đánh giá hội tụ của Barro và Sala-i-Martin (1992). Tuy nhiên ở Việt Nam, tác động của đầu tư đến hội tụ thu nhập chưa được nghiên cứu sâu và nhiều, đặc biệt là vấn đề hội tụ tuyệt đối và hội tụ có điều kiện trong thu nhập do yếu tố đầu tư tác động, để thấy rõ được ảnh hưởng cụ thể của các loại đầu tư đến hội tụ thu nhập trong điều kiện tại Việt Nam.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở giả thuyết mà nhà kinh tế học như Solow (1956) nêu trên, mục tiêu bài viết là nghiên cứu xem các tỉnh ở Việt Nam có hay không xu hướng hội tụ thu nhập (giảm khoảng cách giàu nghèo), đồng thời xem xét vai trò của từng loại nguồn đầu tư tác động như thế nào đến quá trình hội tụ thu nhập giữa các tỉnh ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Bài viết tập trung nghiên cứu cơ chế tác động của đầu tư công (SI); đầu tư từ tư nhân trong nước (DI) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến vấn đề hội tụ thu nhập ở Việt Nam. Phạm vi nghiên cứu là quá trình hội tụ thu nhập trên phạm vi tổng thể Việt Nam gồm 63 tỉnh thành. Ngoài ra, trong mô hình sử dụng các biến kiểm soát có liên quan dựa vào các lý thuyết tăng trưởng kinh tế và những nghiên cứu thực nghiệm trước đây. Dữ liệu nghiên cứu dạng dữ liệu bảng (panel data) về các biến chính (si, di, fdi, gdp) trong mô

hình nghiên cứu thực nghiệm về quan hệ giữa đầu tư với quá trình hội tụ thu nhập được tập hợp chủ yếu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam trong khoảng thời gian 2000 đến 2017 cho toàn bộ 63 tỉnh thành của Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

Mô hình đánh giá hội tụ σ

Theo Sala-i-Martin (1996a) [5], khái niệm về hội tụ σ có thể được định nghĩa là “một nhóm các nền kinh tế đang hội tụ nếu sự phân tán của GDP tính theo đầu người của các nền kinh tế có xu hướng giảm dần qua thời gian”. Giá trị σ được sử dụng để phản ánh sự chênh lệch tĩnh trong thu nhập bình quân. Thông thường, nó được đo bằng hệ số biến thiên (CV) là tỷ số của độ lệch chuẩn giá trị trung bình. Trong đó y_i là thu nhập bình quân đầu người của tỉnh i và \bar{y} là giá trị trung bình của thu nhập bình quân đầu người của cả nước, n là số tỉnh.

$$CV = \frac{\sqrt{\frac{\sum(y_i - \bar{y})^2}{n}}}{\bar{y}}$$

Mô hình đánh giá hội tụ β

Trong mô hình, bài viết tiến hành phân rã đầu tư của nền kinh tế thành 03 loại nguồn đầu tư cấu thành là đầu tư nhà nước (si); đầu tư tư nhân trong nước (di); đầu tư trực tiếp nước ngoài (fdi). Tác giả sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas để tiến hành xây dựng khung phân tích nghiên cứu.

Hàm sản xuất Cobb-Douglas có dạng: $Y = F(si_{it}, di_{it}, fdi_{it})$.

Trong đó: Y là thu nhập của nền kinh tế, chỉ tiêu sử dụng là GDP (Gross Domestic Product), tổng sản phẩm quốc nội.

Trên cơ sở mô hình theo Sala-i-Martin (1996a, b) [5, 6] đề xuất, Wei (2008) áp dụng tại trường hợp kiểm định hội tụ các vùng ở Trung Quốc, nghiên cứu cũng kế thừa mô hình đánh giá hội tụ tuyệt đối β như sau:

$$gdp_{it} - gdp_{i0} = \alpha + \beta(gdp_{i0}) + \beta_1(si)_i + \beta_2(di)_i + \beta_3(fdi)_i + \varepsilon_i$$

$$\text{Trong đó } \beta = -(1 - e^{-\lambda t}); \beta = -1 + e^{-\lambda t}; \beta + 1 = e^{-\lambda t}.$$

$$\text{Từ đó ta có } \ln(\beta + 1) = -\lambda t, \text{ như vậy: } \lambda = -\frac{\ln(\beta+1)}{t}$$

Trong đó gdp_{it} , gdp_{i0} biểu thị tương ứng cho tăng trưởng kinh tế của kỳ đầu và cuối của tỉnh i, t là khoảng thời gian (2000 đến 2017). Khi β là âm và có ý nghĩa thống kê thì cho thấy có sự hội tụ trong thu nhập. Có nghĩa là nền kinh tế Việt Nam có xu hướng hội tụ thu nhập, nếu $\beta > 0$ thì ngược lại. Giá trị của λ là tốc độ hội tụ thu nhập (hoặc phân kỳ).

5. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng dựa trên khảo sát từ Tổng cục Thống kê của 63 tỉnh thành trong khoảng thời gian từ 2000 đến 2017. Số liệu GDP là GDP thực bình

Hội tụ tuyệt đối β

$$gdp_{it} - gdp_{i0} = \alpha + \beta gdp_{i0} + \varepsilon_i$$

$$\text{và } \beta = -(1 - e^{-\lambda t})$$

Mục tiêu nghiên cứu xem xét các loại đầu tư tác động như thế nào đến quá trình hội tụ thu nhập ở Việt Nam. Nghiên cứu này tiếp cận theo cách nghiên cứu của Wei (2008) [4] và Normaz (2008) [7], tác giả xây dựng mô hình đánh giá hội tụ có điều kiện cho nghiên cứu ở trường hợp Việt Nam như sau:

quân đầu người của từng tỉnh thành (triệu/người), giá trị này được lấy trên cơ sở quy đổi giá GDP hiện hành với chỉ số CPI để khử yếu tố lạm phát. Đồng thời để khử yếu tố lạm phát của các biến trong mô hình nghiên cứu, đối với các giá trị về đầu tư công, đầu tư tư nhân trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ tính toán bằng tỷ lệ (%) giá trị hiện hành của các biến này trên giá trị GDP theo giá hiện hành.

6. Kết quả nghiên cứu

6.1. Thực tiễn hội tụ thu nhập Việt Nam thời gian qua

Hội tụ sigma (σ)

Bảng 1: Chỉ số CV của Việt Nam

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
CV	0,35	0,34	0,32	0,38	0,40	0,38	0,39	0,32	0,32	0,23	0,22	0,26	0,33	0,30	0,28	0,27	0,28	0,26

(Nguồn: Tác giả tính toán trên cơ sở số liệu của Tổng cục Thống kê từ năm 2000 đến 2017 [8])

Nhìn tổng thể, chỉ số CV của Việt Nam trong thời gian qua đã cho ta thấy xu hướng giảm dần khoảng cách thu nhập bình quân đầu người. Chứng tỏ sự nỗ lực của Chính phủ trong việc giảm tỷ lệ nghèo và những chính sách phân phối thu nhập, phân phối đầu tư trong nền kinh tế hướng đến việc giảm khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng đang dần có hiệu quả. Tuy nhiên xu hướng này không mang tính ổn định, chứng tỏ nền kinh tế còn chịu nhiều yếu tố tác động khách quan, nội lực nền kinh tế chưa mạnh, dễ “tổn thương” khi có các yếu tố bên ngoài tác động. Đồng thời Việt Nam là đất nước đang phát triển, Chính phủ đã và đang thực hiện chủ trương quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm, tình trọng điểm về tăng trưởng kinh tế nên phát sinh sự không ổn định trong hệ số biến thiên thu nhập là điều dễ hiểu.

Việc tăng mức đầu tư trong giai đoạn đầu chưa hẳn tạo nên hiệu ứng hội tụ thu nhập giữa các vùng vì chưa đến giai đoạn năng suất biên giảm dần của

vốn đầu tư. Hoặc quá trình đầu tư phân bố không đồng đều giữa các tỉnh, hoặc do điều kiện địa lý, khí hậu, trình độ dân trí, phong tục tập quán nên chưa thể đầu tư, và cũng có thể do sự nhận định chủ quan của chính phủ về việc khai thác thế mạnh của từng tỉnh, từng vùng nhằm đem lại hiệu quả kinh tế, từ đó dẫn đến việc mặc dù có đầu tư nhưng chưa tạo sự lan tỏa hiệu quả đầu tư để hội tụ thu nhập.

6.2. Kết quả nghiên cứu của bài viết

6.2.1. Cơ sở lựa chọn dạng hàm

Bài viết sử dụng phần mềm Eviews 9.0 xem xét dạng hàm phân phối của các biến. Từ dạng phân phối này, chọn dạng hàm xấp xỉ phân phối chuẩn để làm cơ sở chọn dạng hàm của biến. Tất cả các biến thể hiện dưới dạng logarithm có phân phối xấp xỉ phân phối chuẩn. Ngoại trừ biến “di” là đầu tư tư nhân trong nước là đã có dạng xấp xỉ phân phối chuẩn trước khi chuyển sang dạng logarithm

6.2.2. Thống kê mô tả các biến

Bảng 2: Thống kê mô tả các biến

	LNGDP	LNSI	DI	LNFDI
Mean	2,437462	2,737439	2,292208	-0,87057
Median	2,359333	2,805367	1,991799	0,351657
Maximum	5,830513	5,436505	7,746557	5,171668
Minimum	0,546106	1,171941	0,741309	-9,220340
Std. Dev.	0,918634	0,719386	1,085112	3,861602
Observations	1.134	1.134	1.134	1.134

(Nguồn: Tác giả tính toán trên cơ sở số liệu của Tổng cục Thống kê từ năm 2000 đến 2017 [8] với sự hỗ trợ của phần mềm Eviews 9.0)

6.2.3. Tương quan giữa các biến

Bảng 3: Hệ số tương quan các biến

	LNGDP	LNSI	DI	LNFDI
LNGDP	1,000000	-0,385956	0,004269	0,368899
LNSI	-0,385956	1,000000	0,150353	-0,142201
DI	0,004269	0,150353	1,000000	0,071882
LNFDI	0,368899	-0,142201	0,071882	1,000000

(Nguồn: Tác giả tính toán trên cơ sở số liệu của Tổng cục Thống kê từ năm 2000 đến 2017 [8], với sự hỗ trợ của phần mềm Eviews 9.0)

6.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**Hội tụ tuyệt đối β .**

Dựa vào công thức mô hình chỉ với gdp_{i0} bên phải

để kiểm tra hội tụ tuyệt đối, kết quả

thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4: Kết quả hội tụ tuyệt đối

	Hệ số	Sai số chuẩn	P-Value
Hàng số (α)	2,502412	0,093230	0,0000
Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)	-0,186983	0,066080	0,0063
Tốc độ hội tụ (λ)	0,0138		

(Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê từ năm 2000 đến 2017 [8] và tính toán của tác giả)

Hệ số ước lượng β là âm và có ý nghĩa thống kê, tức là có bằng chứng về hội tụ tuyệt đối trong thu nhập bình quân, có nghĩa rằng trong giai đoạn 2000 đến 2017, những vùng ở Việt Nam có thu nhập thấp ở giai đoạn ban đầu có xu hướng tăng nhanh hơn những vùng có thu nhập ban đầu là cao hơn, với tốc độ hội tụ là 1,38%. Những vùng nghèo khó ban đầu có thể hưởng được những chính sách ưu đãi hơn của chính phủ để có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn. Kết quả nghiên cứu này trái ngược với các nghiên cứu Phạm Thế Anh

(2009) [9], Hoàng Thủy Yên (2015) [10]. Tuy nhiên kết quả lại phù hợp với lý thuyết tăng trưởng của Solow (1956).

Hội tụ có điều kiện β . Mục tiêu là xem xét các loại nguồn đầu tư tác động như thế nào đến quá trình hội tụ thu nhập ở Việt Nam. Nghiên cứu tiến hành thử nghiệm từng bước một như cách mà Wei (2008) thực hiện nghiên cứu ở Trung Quốc. Trước tiên sẽ đưa từng loại đầu tư vào bên phải của mô hình, rồi sẽ đưa từng cặp đầu tư vào mô hình và cuối cùng là đưa một lúc ba loại nguồn đầu tư vào. Mục đích để tìm

kiểm giá trị β tốt nhất để từ đó nhận xét về sự đóng góp của đầu tư vào quá trình hội tụ thu nhập ở Việt Nam. Kết quả được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5: Kết quả ước tính hội tụ có điều kiện

Hệ số	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	P-Value
Mô hình có đầu tư công			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,224480	0,077052	0,0050
Hệ số $Lnsi$	-0,064081	0,067571	0,3468
Tốc độ hội tụ (λ)	0,016948		
Mô hình có đầu tư tư nhân trong nước			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,166204	0,070254	0,0212
Hệ số di	0,003826	0,004331	0,3806
Tốc độ hội tụ (λ)	0,012118		
Mô hình có đầu tư trực tiếp nước ngoài			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,275469	0,067059	0,0001
Hệ số $Lnfdi$	0,038402	0,011730	0,0018
Tốc độ hội tụ (λ)	0,021482		
Mô hình có đầu tư công và đầu tư tư nhân			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,205050	0,079604	0,0125
Hệ số $Lnsi$	-0,070310	0,067896	0,3046
Hệ số di	0,004249	0,004348	0,3324
Tốc độ hội tụ (λ)	0,015298		
Hệ số	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn	P-Value
Mô hình có đầu tư công và FDI			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,304253	0,075891	0,0002

Hệ số Lnsi	-0,051547	0,063000	0,4165
Hệ số Lnfdi	0,037804	0,011785	0,0022
Tốc độ hội tụ (λ)	0,024185		
Mô hình có đầu tư tư nhân và FDI			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,267241	0,073178	0,0006
Hệ số Lnfdi	0,037685	0,012071	0,0028
Hệ số di	0,001211	0,004132	0,7706
Tốc độ hội tụ (λ)	0,020729		
Mô hình ba nguồn đầu tư và các biến kiểm soát			
<i>Hệ số $Lngdp_{i0}$ (β)</i>	-0,570942	0,120376	0,0000
Hệ số Lnsi	0,104453	0,089122	0,2462
Hệ số di	0,000308	0,003943	0,9380
Hệ số Lnfdi	0,019795	0,013840	0,1583
Tốc độ hội tụ (λ)	0,056411		

(Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu Tổng cục Thống kê từ năm 2000 đến 2017 [8])

Tất cả hệ số ước lượng trong mô hình có $Lngdp_{i0}(\beta)$ đều âm và có ý nghĩa thống kê (P-value < 5%), điều đó chỉ ra rằng tất cả các mô hình đều chỉ một kết quả duy nhất là từng loại nguồn đầu tư đều có tác động một cách tích cực đến quá trình hội tụ thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng ở Việt Nam, với tốc độ hội tụ xấp xỉ 1,2% đến 5,6%.

Các kết quả kiểm định về phương sai thay đổi và đa cộng tuyến đều cho

kết quả là mô hình đánh giá hội tụ đảm bảo độ tin cậy.

Từ kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các tỉnh ở Việt Nam đang có xu hướng hội tụ thu nhập bình quân đầu người, tức là khoảng cách giàu nghèo ngày càng hẹp lại, điều này phù hợp với lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển của Solow (1956). Trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò tích cực nhất đến vấn đề hội tụ, sau đó đến đầu tư công và đầu tư tư nhân trong nước. Như vậy, nghiên cứu chỉ ra vấn đề quan

trọng và có ý nghĩa là đầu tư công cụ kỳ quan trọng cho việc phát triển kinh tế hơn là tăng trưởng vì nghiên cứu đã chỉ ra, đầu tư công có tác động tích cực nhất đến giảm khoảng cách giàu nghèo giữa các tỉnh ở Việt Nam. Do vậy vấn đề là các nhà làm chính sách phải xem xét đến tính hiệu quả của các dự án đầu tư công để nguồn đầu tư này là “công cụ kiến tạo” cho sự phát triển, tức là đầu tư công vào những dự án có tính hiệu quả cao, tạo kết cấu hạ tầng cho các vùng khó khăn, từ đó sẽ vừa đóng góp tích cực vào tăng trưởng vừa giảm khoảng cách giàu nghèo thông qua chính sách đầu tư công hướng đến những vùng có điều kiện khó khăn hơn, để từ đó lôi kéo, tạo điều kiện cho các nguồn đầu tư khác đầu tư vào các vùng này, tạo hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy sự tăng trưởng chung của cả nước.

Đối với nguồn vốn FDI, Việt Nam cần lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm

lực, thương hiệu, công nghệ tân tiến, thân thiện với môi trường, sản phẩm không chỉ phục vụ riêng cho đất nước Việt Nam, mà còn tham gia giá trị toàn cầu. Chính phủ cần khuyến khích hơn nữa những dự án đầu tư ở những vùng xa xôi, điều kiện khó khăn để dần dần từng bước khoảng cách giàu nghèo giữa các tỉnh sẽ thu hẹp lại, tạo điều kiện cho quá trình phát triển ổn định, bền vững và mạnh mẽ trong tương lai. Đối với nguồn vốn đầu tư tư nhân trong nước cần tham gia vào ngành công nghiệp phụ trợ là yếu tố rất quan trọng để thu hút được những dự án chất lượng cao từ FDI. Chính phủ cũng cần thực hiện các biện pháp nhằm kích thích đầu tư tư nhân trong nước bằng các chính sách ưu đãi về vốn vay, thuế, đất đai... đồng thời tạo điều kiện kết cấu hạ tầng tốt cho các nhà đầu tư trong nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Solow, R.M. (1956), “A contribution of the theory of economic growth”, *Quarterly Journal of Economics*, Vol 70, pp: 65-94
2. Barro, R.J. and Sala-I-Martin, X (1992), “Convergence”, *Journal Political Economic*, vol 100, pp: 223-251
3. Kim Ji Uk (2001), “Empirics for Economic Growth and Convergence in Asian Economies: A Panel Data Approach”, *Journal of Economic Development*, Vol 26, No 2, pp: 49-59
4. Wei, Kaile (2008), *Foreign Direct Investment and Economic Growth in china's Regions, 1979-2003*, PhD thesis, Middlesex University, London, UK
5. Sala-i-Martin (1996a), “The Classical Approach to Convergence Analysis”, *The Economic Journal*, Vol 106, No 437, pp: 1019-1036

6. Sala-i-Martin (1996b), “Regional Cohesion: Evidence and Theories of Regional Growth and Convergence”, *European Economic Review*, Vol 40, pp: 1325-1352
7. Normaz Wana Ismail (2008), “Growth and Convergence in ASEAN: A Dynamic Panel Approach, Growth and Convergence in ASEAN: A Dynamic Panel Approach”, *Journal of Economics and Management*, Vol 2(1), pp: 127-140
8. Cục Thống kê 63 tỉnh/thành phố, 2000-2017, *Niên giám thống kê 2000-2017*
9. Phạm Thế Anh (2009), “Tăng trưởng kinh tế và sự hội tụ thu nhập giữa các vùng của Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên Cứu Kinh tế*, số 368, tr. 34-41
10. Hoàng Thủy Yên (2015), “Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Đại Học Kinh tế Quốc dân

THE IMPACT OF INVESTMENT CAPITAL ON INCOME CONVERGING IN VIETNAM

ABSTRACT

Derived from Solow income convergence theory (1956), the research objective of this paper is to examine whether income convergence among Vietnamese provinces exists. Besides, this assesses the impact of investment sources on income convergence in Vietnam. Based on a panel data model of 63 provinces in Vietnam from 2000 to 2017, the results show that provinces in Vietnam tend to converge per capita incomes. The income convergence of approximately 1.2% to 5.6 means that the gap between the rich and the poor provinces is getting close, which is consistent with Solow's neo-classical theory of growth (1956). Foreign direct investment plays the most positive role in convergence, followed by public investment and domestic private investment.

Keywords: *Investment, income convergence*

(Received: 23/7/2018, Revised: 1/8/2018, Accepted for publication: 18/9/2018)